

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁI THỤY  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 26/8/2020  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi  
con chung U - C

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Nhật K - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:***  
Bà Phạm Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 104/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2020 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 27B/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Phạm Thị U, sinh năm 1992.

ĐKKH: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện X, tỉnh Thanh Hóa.

***Bị đơn:*** Anh Đoàn Văn C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

*(Chị U có đơn xin vắng mặt, anh C vắng mặt lần thứ hai)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn trình bày và trong buổi hòa giải, nguyên đơn chị Phạm Thị U trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đoàn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/01/2012 tại UBND xã N, huyện X, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong sinh hoạt cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã N, huyện X, tỉnh Thanh Hóa sinh sống từ tháng 3/2020 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh C để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh C có hai con chung là Đoàn Phạm Hoàng L1, sinh ngày 18/5/2015 và Đoàn Phạm Hải L2, sinh ngày 18/5/2015. Ly hôn, chị U có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị U xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong bản tự khai và các buổi hòa giải, bị đơn anh Đoàn Văn C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh C xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị U trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc chỉ phát sinh mâu thuẫn kể từ cuối năm 2019 anh chị chuyển về sống cùng bố mẹ anh nên có xảy ra va chạm. Từ tháng 3/2020 chị U bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thanh Hóa sinh sống, thi thoảng anh vẫn liên lạc và khuyên nhủ chị U về để vợ chồng đoàn tụ chăm lo cho con cái nhưng không có kết quả. Anh nhận thấy tình cảm dành cho chị U vẫn còn, chị U xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có hai con chung như chị U trình bày. Nếu chị U kiên quyết xin ly hôn, anh đồng ý giao cả hai con con chung Hoàng L1 và Hải L2 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị U không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh C xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại các Biên bản xác minh đề ngày 25/6/2020, đại diện Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình cung cấp:*

Theo thông tin quản lý nhân khẩu ở địa phương thì chị U và anh C tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện X, tỉnh Thanh Hóa ngày 30/01/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2015, theo địa phương nắm được anh chị mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến tháng 3/2020 mâu thuẫn trở nên trầm trọng chị U đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thanh Hóa sinh sống dẫn đến anh C và chị U sống ly thân từ đó đến nay. Anh C và chị U có 02 con chung là cháu Đoàn Phạm Hoàng L1, sinh ngày 18/5/2015 và cháu Đoàn Phạm Hải L2, sinh ngày 18/5/2015, hiện hai cháu đang sống với anh C tại địa phương. Địa phương không nhận được phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về việc anh C và chị U vay nợ. Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã X về việc chị U xin ly hôn anh C là đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ, còn trong trường hợp mâu thuẫn đã quá trầm trọng vì các bên đương sự đã sống ly thân và kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật và nguyện vọng chị U, anh C cũng như đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển của các cháu để giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và

gia đình xử cho chị Út được ly hôn anh C; giao cho chị U trực tiếp nuôi cả hai con chung Đoàn Phạm Hoàng L1 và Đoàn Phạm Hải L2. Chấp nhận việc chị U không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cả hai con chung. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra giải quyết. Chị U phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình, hiện nay anh C đang sinh sống và lao động tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị U và anh Đoàn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 30/01/2012 tại UBND xã N, huyện X, tỉnh Thanh Hóa. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Anh chị đã ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 3 năm 2020 đến nay. Chị U đề nghị không tiến hành hòa giải và cương quyết xin ly hôn anh C. Anh C không đồng ý ly hôn, nhưng anh cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh việc anh đã thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Qua xác minh tại địa phương và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định việc chị U và anh C xảy ra mâu thuẫn là có thật, vợ chồng đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để chị U và anh C đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, tuy nhiên chị U vẫn kiên quyết xin ly hôn và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì chị cho rằng chị không còn tình cảm với anh C, nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của chị thì chị vẫn sẽ nộp đơn khởi kiện lại. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị U và anh C đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị U để vợ chồng đoàn tụ cũng không thành và sẽ làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng. Nay chị U cương quyết xin được ly hôn anh C, cần xử cho chị U được ly hôn anh C là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51 và 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Chị U và anh C có 02 con chung là cháu Đoàn Phạm Hoàng L1, sinh ngày 18/5/2015 và Đoàn Phạm Hải L2, sinh ngày 18/5/2015. Chị Út có

nguyện vọng nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, anh C đồng ý. Xét thấy: Nguyên vọng của chị U và anh C về việc nuôi con là hoàn toàn phù hợp. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị U và anh C không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị U và anh C có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị U được ly hôn anh Đoàn Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Đoàn Phạm Hoàng L1, sinh ngày 18/5/2015 và Đoàn Phạm Hải L2, sinh ngày 18/5/2015. Chị U không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị U phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị U đã nộp tạm ứng án phí biên lai số 0002239 ngày 01/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã N; huyện X, tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Xuân Quỳnh**



